

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 02/8/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Tuấn;
2. Ông Nguyễn Văn Bảy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng S; địa chỉ: Số 77, phố T, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Ngọc B - Giám đốc chi nhánh SHB Quảng Ninh.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Tiến C - PTP phụ trách xử lý nợ, vắng mặt; ông Nguyễn Đức T - Giám đốc Phòng giao dịch Uông Bí, theo Giấy ủy quyền số: 11/2019/UQ-QN ngày 09/01/2019, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Vũ Văn H** và bà **Đoàn Thị L**, cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đoàn Văn P** và bà **Nguyễn Thị T**, cùng địa chỉ: Thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung:

Ngày 15/8/2016 Ngân hàng S chi nhánh Quảng Ninh, phòng giao dịch Uông Bí (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cùng với vợ chồng bà Đoàn Thị L và ông Vũ Văn H ký hai hợp đồng tín dụng, trong đó Hợp tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, Ngân hàng cho vay số tiền 250.000.000đ, mục đích mua xe tải, thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân và Hợp tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, Ngân hàng cho vay số tiền 150.000.000đ, mục đích bổ sung vốn đề kinh doanh, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Các hợp đồng đều quy định mức lãi suất trong hạn kỳ đầu tiên là 10/7%/năm, biên độ cho vay là 3,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn áp dụng tại kỳ tính lãi gần nhất so với thời điểm quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền đã vay theo các hợp đồng. Bà Liễu và ông Hồng đã thực hiện trả gốc và lãi được một thời gian thì vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ theo hợp đồng. Đến ngày 17/10/2018 ông Vũ Văn H và bà Đoàn Thị L phải trả cho cả hai hợp đồng số tiền 379.324.340 đồng, trong đó:

Dư nợ của Hợp tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 gồm tiền gốc 197.507.228 đồng; lãi trong hạn 52.351.388 đồng; lãi chậm trả lãi 1.778.819 đồng; lãi chậm trả gốc 3.037.440 đồng.

Dư nợ của Hợp tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 gồm tiền gốc 124.883.423 đồng; lãi trong hạn 32.472.802 đồng; lãi chậm trả lãi 1.594.472 đồng; lãi chậm trả gốc 2.377.518 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà L phải trả toàn bộ số tiền nêu trên. Trường hợp ông H và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể theo các hợp đồng thế chấp sau:

Bất động sản của bên thứ ba là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị T tại thôn Vĩnh Thái, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 281548 sổ vào sổ cấp chứng nhận CH0217 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 09 tháng 12 năm 2011, tài sản bảo đảm được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số 73/2016, ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Động sản là xe ô tô tải của ông H và bà L biển kiểm soát 14C-170.44, nhãn hiệu VEAM VT-250MB, Số máy: D4BHE037899, giấy đăng ký ô tô số 024035 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2016 cho Đoàn Thị L theo hợp đồng thế chấp tài sản số 74/2016 ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Ngày 24/6/2019, Nguyên đơn có đơn thay đổi nội dung khởi kiện: Không yêu cầu các bị đơn phải trả nợ “Lãi chậm trả lãi” của cả hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bị đơn ông Vũ Văn H không có ý kiến, còn tại bản tự khai ngày 13/02/2019, bị đơn bà Đoàn Thị L trình bày có nội dung:

Ngày 15/8/2016 tôi (Đoàn Thị L) cùng chồng là ông Vũ Văn H ký Hợp

tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 với Ngân hàng S chi nhánh Quảng Ninh, phòng giao dịch Uông Bí để vay số tiền 250.000.000đ, mục đích mua xe tải, thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Cùng ngày tôi và ông H ký tiếp Hợp tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 với Ngân hàng vay số tiền 150.000.000đ, mục đích bổ sung vốn đề kinh doanh, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Trong các ngày 16 và 17/8/2016 đã nhận đủ số tiền vay của các hợp đồng tín dụng trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, tôi cùng với ông H đã trả được số tiền là 77.609.394đ. Nay Ngân hàng buộc tôi và ông H phải trả toàn bộ số tiền gốc của hai hợp đồng là 322.390.651đ; lãi trong hạn là 84.824.190đ, lãi chậm trả lãi là 3.373.291đ, lãi chậm trả gốc là 5.414.958đ. Tôi có quan điểm: Tôi trả ngay số tiền 150.000.000đ để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, còn khoản nợ theo hợp đồng thế chấp chiếc ô tô, tôi xin trả dần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung:

Chúng tôi là bố mẹ đẻ của chị Đoàn Thị L, vào năm 2016 vợ chồng chị L và anh H làm thủ tục vay 150.000.000đ tại Ngân hàng, chúng tôi có cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đứng ra làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất cho khoản vay trên. Chúng tôi đã đồng ý và đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 73/2016/HĐTC-BTB/SHB.110303 ngày 15/8/2016 với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, chúng tôi có quan điểm, vì chúng tôi đã đứng ra thế chấp tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay, nay anh H, chị L không trả được nợ, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông H và bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của cả hai hợp đồng với tổng số tiền là: 416.267.437đồng, trong đó: Tiền gốc là: 321.940.651đồng; Tiền lãi đến ngày xét xử là: 93.876.789đồng, giữ nguyên quan điểm như đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp cho khoản vay để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu quan điểm; về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 92 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật Đất đai; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn bà Đoàn Thị L và ông Vũ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S theo Hợp tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, tổng số tiền là: 162.765.087đ (Một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi bảy đồng) và theo Hợp tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, tổng số tiền là: 253.502.350đ (Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn ba trăm năm mươi đồng). Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án dân sự số 71/2018/TLST-DS về tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền theo Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ông Vũ Văn H và bà Đoàn Thị L ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 vay số tiền 150.000.000đ và hợp đồng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 vay số tiền 250.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Sau khi nhận được giải ngân của Ngân hàng, ông H và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 400/2016 đến ngày 17/6/2017 được 25.116.577đ tiền gốc và các khoản lãi 12.320.296đ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng số 401/2016 đến ngày 29/8/2017 được 52.492.772đ tiền gốc và các khoản lãi 24.240.272đ, sau đó không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm quy định về trả nợ, cho nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký.

Tại thời điểm ký kết các hợp đồng tín dụng ông H và bà L trong thời kỳ hôn nhân, nhưng theo bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã có hiệu lực pháp luật đã quyết định cho bà L được ly hôn với ông H, nhưng chưa giải quyết về tài sản chung cũng như nợ chung. Cho nên các khoản nợ của hai hợp đồng tín dụng này ông H và bà L cùng phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu các bị đơn phải trả “Lãi phạt chậm trả lãi”, thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

Vì các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai hợp đồng tín dụng, các hợp đồng này tuy còn thời hạn nhưng phải chấm dứt hợp đồng, buộc bị đơn ông Hồng và bà Liễu phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 số tiền gốc là: 124.883.423đ, lãi trong hạn là: 32.883.423đ, lãi quá hạn là: 5.465.467đ; đối với Hợp đồng tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, số tiền gốc là: 197.507.228đ, lãi trong hạn là: 47.988.967đ, lãi quá hạn là: 8.006.155đ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[4]. Đối với các hợp đồng thế chấp:

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 246,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 281548, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH

02117 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 09/12/2011 cho ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị Tvà tài sản trên đất là nhà cấp bốn cùng công trình phụ và cây ăn quả (là tài sản của vợ chồng ông P, bà T), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 73/2016/HĐTC-BTB/SHB.110303 ngày 15/8/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Uông Bí tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo số công chứng: 1960.2016, bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, còn hiệu lực, cần tiếp tục duy trì để bảo đảm thi hành án. Ông P và bà T cũng có quan điểm, nếu anh H, chị L không trả được nợ, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả khoản nợ nêu trên; ông Phúc và bà The không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng thế chấp đã ký, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự và Điều 167 Luật Đất đai.

Tài sản thế chấp chiếc xe ô tô tải là tài sản chung của ông H và bà L, mang biển kiểm soát 14C-170.44, nhãn hiệu VEAM VT-250MB, Số máy: D4BHE037899, giấy đăng ký ô tô số 024035 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2016, tên bà Đoàn Thị L theo hợp đồng thế chấp tài sản số 74/2016/HĐTC-CN/SHB.110303 ngày 15/8/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Uông Bí tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo số công chứng: 1959.2016, để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, còn hiệu lực, cần tiếp tục duy trì để bảo đảm thi hành án. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả khoản nợ nêu trên hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự.

[5]. Về án phí và các chi phí tố tụng:

Nguyên đơn đã nộp 4.000.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền này đã chi đủ cho việc thẩm định. Yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ được chấp nhận, cho nên các bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, phải hoàn trả cho Nguyên đơn 4.000.000đ theo quy định khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy các bị đơn bà Đoàn Thị L và ông Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 500, 501, 502 và 503 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 92 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 158, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Đoàn Thị L và ông Vũ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S theo Hợp tín dụng số 400/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, tổng số tiền là: 162.765.087đ (Một trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 124.883.423đ (Một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng), lãi trong hạn là: 32.416.197đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn một trăm chín mươi bảy đồng), lãi quá hạn là: 5.465.467đ (Năm triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Buộc bà Đoàn Thị L và ông Vũ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S theo Hợp tín dụng số 401/2016/HĐTDTĐH-CN/SHB.110303, tổng số tiền là: 253.502.350đ (Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm linh hai nghìn ba trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 197.507.228đ (Một trăm chín mươi bảy triệu năm trăm linh bảy nghìn hai trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là: 47.988.967đ (Bốn mươi bảy triệu chín trăm tám mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn là: 8.006.155đ (Tám triệu không trăm linh sáu nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Vũ Văn H và bà Đoàn Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 73/2016/HĐTC-BTB/SHB.110303 ngày 15/8/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Ông Bí tại thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo số công chứng: 1960.2016. Tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 246,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 281548, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02117 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 09/12/2011 cho ông Đoàn Văn P và bà Nguyễn Thị T cùng tài sản trên đất là nhà cấp bốn cùng công trình phụ và cây ăn quả để bảo đảm thi hành án. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả khoản nợ nêu trên; ông P và bà T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số: 74/2016/HĐTC-BTB/SHB.110303 ngày 15/8/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Ông Bí tại thành phố Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo số công chứng: 1959.2016. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải là tài sản chung của ông H và bà L, mang biển kiểm soát 14C-170.44, nhãn hiệu VEAM VT-250MB, Số máy: D4BHE037899, giấy đăng ký ô tô số 024035 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2016 tên bà Đoàn Thị L. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả khoản nợ nêu trên hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Vũ Văn H và bà Đoàn Thị L phải chịu 20.650.697đ (Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Vũ Văn H và bà Đoàn Thị L phải hoàn trả 4.00.000đ (Bốn triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.

Trả lại Ngân hàng S 9.483.000đ (Chín triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003705 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn và những người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Đông Triều;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam

